

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ I

Năm học :	Năm học: 2024-2025
Phòng:	Phòng giáo dục - Đào tạo Hội An

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu vực		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu vực		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu vực		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu vực		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu vực																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
I. Kết quả học tập																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		</

Chưa hoàn thành		<i>1</i>																	1													
<i>7. NT (Âm nhạc)</i>	<i>9,162</i>	<i>9,162</i>	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Hoàn thành tốt		<i>5,672</i>	1131	665	12	9		2	1125	644	11	9		6	1068	629	3	2	3	2	1164	678	11	8		2	1184	710	3	1		1
Hoàn thành		<i>3,490</i>	693	218	3	1		8	641	202	4	1		21	665	210	4		1	17	741	242	6	1		14	750	226	5	1		18
Chưa hoàn thành																																
<i>8. NT (Mĩ thuật)</i>	<i>9,162</i>	<i>9,162</i>	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Hoàn thành tốt		<i>5,611</i>	1149	664	10	7			1115	646	9	7		3	1030	613	4	2	2	2	1116	674	10	8		1	1201	713	4	1		3
Hoàn thành		<i>3,551</i>	675	219	5	3		10	651	200	6	3		24	703	226	3		2	17	789	246	7	1		15	733	223	4	1		16
Chưa hoàn thành																																
<i>9. Hoạt động TN</i>	<i>9,162</i>	<i>9,162</i>	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Hoàn thành tốt		<i>6,724</i>	1267	675	12	8			1307	687	13	9		3	1269	687	6	2	4	1	1429	751	15	9		3	1452	781	5	1		2
Hoàn thành		<i>2,438</i>	557	208	3	2		10	459	159	2	1		24	464	152	1			18	476	169	2			13	482	155	3	1		17
Chưa hoàn thành																																
	<i>9,162</i>	<i>9,159</i>	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1730	837	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
<i>10. Giáo dục thể chất</i>		<i>6,235</i>	1208	654	10	7			1243	652	12	9		5	1195	673	5	2	3		1262	689	11	8		5	1327	741	5	2		1
Hoàn thành		<i>2,924</i>	616	229	5	3		10	523	194	3	1		22	535	164	2		1	19	643	231	6	1		11	607	195	3			18
Chưa hoàn thành																																
<i>11. TH-CN (CN)</i>	<i>5,572</i>	<i>5,572</i>													1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Hoàn thành tốt		<i>4,299</i>													1325	669	5	2	2	3	1426	741	11	5		5	1548	807	5	1		1
Hoàn thành		<i>1,273</i>													408	170	2		2	16	479	179	6	4		11	386	129	3	1		18
Chưa hoàn thành																																
<i>12. TH-CN (Tin học)</i>	<i>9,162</i>	<i>6,267</i>	293	140	3	3		3	402	182				12	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Hoàn thành tốt		<i>4,006</i>	179	103	1	1			237	117				1	1175	607	3	2	2	2	1116	586	11	7		6	1299	691	4	1		1
Hoàn thành		<i>2,261</i>	114	37	2	2		3	165	65				11	558	232	4		2	17	789	334	6	2		10	635	245	4	1		18
Chưa hoàn thành																																
<i>13. Ngoại ngữ</i>	<i>9,162</i>	<i>9,162</i>	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Hoàn thành tốt		<i>5,611</i>	1084	593	7	5			1076	559	9	5		4	1120	596	5	2	2		1329	703	12	8		3	1002	542	3	1		
Hoàn thành		<i>3,520</i>	740	290	8	5		10	690	287	6	5		23	613	243	2		2	19	574	216	4	1		13	903	383	5	1		19
Chưa hoàn thành		<i>31</i>																			2	1	1				29	11				
<i>14. Tiếng dân tộc</i>	<i>9,162</i>																															
Hoàn thành tốt																																
Hoàn thành																																
Chưa hoàn thành																																

II. Năng lực cốt lõi																																
Năng lực chung																																
Tự chủ và tự học	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		7,374	1446	755	14	9		1	1462	745	13	9		4	1398	730	6	2	3	3	1550	803	14	8		3	1518	793	5	1		
Đạt		1,767	369	128	1	1		8	300	101	2	1		23	335	109	1		1	16	347	113	3	1		13	416	143	3	1		19
Cần cố gắng		21	9					1	4											8	4											
Giao tiếp và hợp tác	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		7,654	1486	759	15	10		1	1499	757	13	9		3	1464	759	6	2	2	3	1576	813	15	9		2	1629	833	6	1		1
Đạt		1,497	331	124				8	265	89	2	1		24	269	80	1		2	16	327	107	2			14	305	103	2	1		18
Cần cố gắng		11	7					1	2											2												
Giải quyết vấn đề và	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		7,117	1407	719	14	9		1	1403	720	13	9		4	1384	721	6	2	2	2	1466	772	12	8		4	1457	759	5	1		
Đạt		2,034	412	164	1	1		8	362	126	2	1		23	348	118	1		2	17	435	147	5	1		12	477	177	3	1		19
Cần cố gắng		11	5					1	1					1						4	1											
Năng lực đặc thù																																
Ngôn ngữ	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		7,182	1358	698	11	6		1	1441	732	13	9		5	1427	734	5	2	2	3	1515	796	13	9		3	1441	764	5	1		
Đạt		1,926	444	180	4	4		8	319	114	2	1		22	303	103	2		2	16	379	122	4			13	481	169	3	1		19
Cần cố gắng		54	22	5				1	6					3	2					11	2						12	3				
Tính toán	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		7,210	1460	730	13	8		2	1448	721	13	9		5	1377	707	6	2	2	2	1524	774	14	9		4	1401	722	4	1		1
Đạt		1,902	355	153	2	2		7	313	124	2	1		22	349	128	1		2	17	368	138	3			12	517	208	4	1		18
Cần cố gắng		50	9					1	5	1				7	4					13	8						16	6				
Tin học	5,572	5,572												1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19	
Tốt		4,130												1347	701	6	2	2	2	1394	714	12	8		3	1389	725	4	1		1	
Đạt		1,442												386	138	1		2	17	511	206	5	1		13	545	211	4	1		18	
Cần cố gắng																																
Công nghệ	5,572	5,572												1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19	
Tốt		4,504												1396	720	6	2	2	2	1548	793	13	8		3	1560	814	5	1			
Đạt		1,068												337	119	1		2	17	357	127	4	1		13	374	122	3	1		19	
Cần cố gắng																																
Khoa học	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		7,397	1404	729	13	8		1	1434	730	13	9		6	1390	726	6	2	4	2	1578	807	14	9		2	1591	823	6	1		1
Đạt		1,764	419	154	2	2		8	332	116	2	1		21	343	113	1			17	327	113	3			14	343	113	2	1		18
Cần cố gắng		1	1					1																								

Thẩm mĩ	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		7,202	1452	757	15	10		1	1449	746	14	10		7	1421	751	6	2	4	3	1460	788	12	8		3	1420	778	3			1
Đạt		1,960	372	126				9	317	100	1			20	312	88	1			16	445	132	5	1		13	514	158	5	2		18
Cần cố gắng																																
Thể chất	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		7,544	1452	733	14	9		1	1492	748	11	8		5	1480	762	6	2	4	4	1563	797	14	8		6	1557	807	6	1		
Đạt		1,618	372	150	1	1		9	274	98	4	2		22	253	77	1			15	342	123	3	1		10	377	129	2	1		19
Cần cố gắng																																
III. Phẩm chất chủ yếu																																
Yêu nước	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		8,957	1762	866	15	10		7	1747	841	15	10		22	1698	835	7	2	4	16	1849	904	16	9		14	1901	931	8	2		17
Đạt		205	62	17				3	19	5				5	35	4				3	56	16	1			2	33	5				2
Cần cố gắng																																
Nhân ái	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		8,850	1742	858	15	10		7	1739	839	15	10		23	1696	835	7	2	4	16	1801	892	16	9		13	1872	923	8	2		14
Đạt		312	82	25				3	27	7				4	37	4				3	104	28	1			3	62	13				5
Cần cố gắng																																
Chăm chỉ	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		7,504	1474	766	14	9		2	1475	748	13	9		7	1460	762	6	2	3	5	1545	804	15	9		6	1550	807	5	1		1
Đạt		1,650	346	117	1	1		8	290	97	2	1		20	271	77	1		1	14	359	115	2			10	384	129	3	1		18
Cần cố gắng		8	4						1	1				2							1	1										
Trung thực	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		8,578	1705	849	15	10		6	1658	818	15	10		15	1636	819	6	2	4	11	1747	881	17	9		11	1832	913	8	2		12
Đạt		583	118	34				4	108	28				12	97	20	1			8	158	39				5	102	23				7
Cần cố gắng		1	1																													
Trách nhiệm	9,162	9,162	1824	883	15	10		10	1766	846	15	10		27	1733	839	7	2	4	19	1905	920	17	9		16	1934	936	8	2		19
Tốt		7,966	1531	789	15	10		2	1557	784	14	10		10	1546	792	6	2	3	9	1645	844	15	9		8	1687	860	6	1		8
Đạt		1,194	291	94				8	209	62	1			17	187	47	1		1	10	260	76	2			8	247	76	2	1		11
Cần cố gắng		2	2																													
IV. Khen thưởng																																
- Giấy khen cấp trường																																
- Giấy khen cấp trên																																
V. HSDT được trợ giảng																																
VI. HS.K.Tật		91	10	1				10	27	7				27	19	5				19	16	8				16	19	4			19	
VII. HS bỏ học kỳ I																																

